

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ML01020: TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN
(PHILOSOPHY OF MARXISM AND LENINISM)

I. Thông tin về học phần

- Học kỳ: 01
- Tín chỉ: 3 TC (Lý thuyết 3 - Thực hành 0- Tự học 9)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
+ Học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Tự học: 135 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - Bộ môn: Triết học
 - Khoa: Khoa học xã hội
- Là học phần: Bắt buộc
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương x		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc x	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Học phần học song hành: không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT											
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
ML01020	Triết học Mác - Lênin	I1					I6					I11	I12

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.

Kiến thức chuyên môn	CĐR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CĐR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CĐR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CĐR 5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CĐR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CĐR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
	CĐR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CĐR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CĐR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CĐR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Trình bày nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin.	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
K2	Phân tích những nguyên lý, phạm trù, quy luật của triết học Mác – Lênin.	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
Kỹ năng		
K3	Vận dụng tư duy biện chứng để nhận thức và giải quyết các vấn đề nhận thức và thực tiễn.	CĐR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K4	Học tập, tích lũy tri thức, kinh nghiệm	CĐR11: Định hướng tương lai rõ ràng,

	góp phần phát triển triết học Mác – Lênin.	có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
K5	Phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, bảo vệ và phổ biến triết học Mác – Lênin.	CĐR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

ML01020. Triết học Mác - Lênin. (3TC: 3 – 0 – 9). Học phần này gồm Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết giảng
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông

2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng
- Nghiên cứu tài liệu
- Trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận tại lớp

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên tham dự đủ số tiết theo quy định, chấp hành đúng nội quy học tập.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi lên lớp; chuẩn bị các câu hỏi để trao đổi, thảo luận tại lớp.
- Kiểm tra giữa kỳ.
- Thi cuối kỳ.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Rubric 1. Tham dự lớp: 10%
- Rubric 2. Kiểm tra giữa kỳ: 30%
- Rubric 3. Thi cuối kỳ: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Chuyên cần (10%)	Kiểm tra giữa học phần (30%)	Thi kết thúc học phần (60%)
K1		x	x
K2		x	x
K3			x
K4	x		
K5	x		

**Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần
(Dùng cho đánh giá và thi giữa kỳ, cuối kỳ)**

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
--------	--------------------------

K1	- Chỉ báo 1: Trình bày vấn đề cơ bản của triết học - Chỉ báo 2: Phân tích siêu hình và biện chứng - Chỉ báo 3: Trình bày sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin. - Chỉ báo 4: Trình bày đối tượng nghiên cứu, chức năng cơ bản của triết học Mác – Lênin.
K2	- Chỉ báo 5: Trình bày vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất. - Chỉ báo 6: Trình bày nguồn gốc, bản chất, kết cấu của ý thức. - Chỉ báo 7: Phân tích mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. - Chỉ báo 8: Trình bày hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật - Chỉ báo 9: Trình bày các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật. - Chỉ báo 10: Trình bày các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật. - Chỉ báo 11: Phân tích thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. - Chỉ báo 12: Trình bày biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. - Chỉ báo 13: Trình bày biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. - Chỉ báo 14: Phân tích sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên. - Chỉ báo 15: Phân tích khái niệm, cấu trúc của tồn tại xã hội và ý thức xã hội
K3	- Chỉ báo 16: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thời gian tham dự	50	Nghỉ 01 buổi học	Nghỉ 02 buổi học	Nghỉ 03- 04 buổi học	Nghỉ 05 buổi học không phép
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các buổi học trên lớp: Theo quy định của Học viện.

Tham dự các bài thi: Làm bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Giáo trình/bài giảng:

- Phạm Văn Sinh và Phạm Quang Phan (2016). Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo khác:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). Giáo trình Triết học, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

- Lê Văn Hùng và Lê Thị Xuân (đồng chủ biên) (2018). Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm các môn khoa học Mác – Lênin, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

- Lê Văn Hùng - Hà Thị Bắc (2019). Triết học và mối quan hệ giữa triết học và các khoa học - Sách tham khảo, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1,2	Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (10 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin 1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin	K1, K2, K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết) 1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	K1, K2, K3, K4, K5
3,4,5	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	K1, K2, K3, K4, K5
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (15 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật 2.3. Lý luận nhận thức 2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	K1, K2, K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (45 tiết) 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức 2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 2.3.5. Chân lý	K1, K2, K3, K4, K5
6,7,8,9	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	K1, K2, K3, K4, K5
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (20 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử -	K1, K2, K3, K4, K5

tự nhiên 3.3. Nhà nước và cách mạng 3.3.2. Cách mạng xã hội 3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội	
B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (60 tiết) 3.2. Giai cấp và dân tộc 3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.2. Dân tộc 3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại 3.3.1. Nhà nước 3.5. Triết học về con người 3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử	K1, K2, K3, K4, K5

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phải đảm bảo đủ chỗ ngồi cho sinh viên và cung cấp đầy đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, máy vi tính, internet.
- Các phương tiện khác: Loa, mic...
- E - learning

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2018
- Lần 2: 7/ 2019
- Lần 2: 7/ 2020
- Lần 4: 7/ 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Đắc Dũng

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trần Lê Thanh

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2021
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Nguyễn Thị Thanh Minh

KT. GIÁM ĐỐC
(Kí và ghi rõ họ tên)




PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Văn Hùng	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 320 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0978.020.006
Email: levanhungdhnn@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email.	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Minh	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 320 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0968.940.232
Email: nttminh@vnua.edu.vn .	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email.	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hòa	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ cơ quan: Phòng 320 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0982110703
Email: ntthoa@vnua.edu.vn .	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email.	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đỗ Thị Hạnh	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 320 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0983515759
Email: dthanh@vnua.edu.vn .	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email.	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Học hàm, học vị: Cử nhân
Địa chỉ cơ quan: Phòng 320 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 01656299779
Email: minhnguyet.k60b.gdct@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email.	